

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận;

2. Bà Phạm Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp C, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Phan Văn Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Giữa tôi với anh Phan Văn Q tự tìm hiểu, yêu thương nhau, hai người tự đến sống với nhau vào năm 2008 và hai người không đi đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q xa vào cờ bạc, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con, nợ nần nhiều, chị H nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không bỏ và anh Q gây ra nợ nần chị H phải đứng ra gánh trả cho anh Q, chị với anh Q không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Q.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị H với anh Q có 02 đứa con chung tên Phan Thị K, sinh ngày 27/5/2008 và Phan Văn D, sinh ngày 02/9/2016. Hiện con đang sống với anh Q, khi ly hôn chị H đồng ý giao 02 con cho anh Q nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Phan Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Giữa anh Q với cô Phạm Thị H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, hai người tự đến sống với nhau vào năm 2008 và hai người không đi đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, thường xảy ra cự cãi nhau anh Q với chị H không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Anh Q đồng ý ly hôn với Phạm Thị H.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa anh Q với chị H có 02 đứa con chung tên Phan Thị K, sinh ngày 27/5/2008 và Phan Văn D, sinh ngày 02/9/2016. Hiện con đang sống với anh Q, khi ly hôn anh Q đồng ý nuôi 02 con và anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành do không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, chị H không cung cấp thêm chứng cứ, anh Q vắng mặt.

Chị H khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không cung cấp gì thêm. Anh Q không cung cấp thêm chứng cứ.

Biên bản xác minh ngày 20/02/2023 của UBND xã T và xã A thể hiện sau khi tra cứu các hồ sơ lưu trữ tại cơ quan không tìm thấy chị Phạm Thị H và anh Phan Văn Q đăng ký kết hôn tại địa phương.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 20/02/2023 của UBND xã T và xã A, biên bản hòa giải tại tòa án, bản tự khai và đơn xin vắng mặt của anh Q.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa

đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H và anh Phan Văn Q không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa chị H với anh Q có phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh Q đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận giữa chị H với Quí là vợ chồng.

Về con chung: Chị H với anh Q có 02 đứa con chung tên Phan Thị K, sinh ngày 27/5/2008 và Phan Văn D, sinh ngày 02/9/2016. Chị H với anh Q thống nhất giao 02 con cho anh Q nuôi dưỡng và anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Phạm Thị H khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với Phan Văn Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Phan Văn Q vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa chị Phạm Thị H với anh Phan Văn Q tự tìm hiểu yêu thương, được cha, mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q chơi cò, bạc bỏ mặt không quan tâm đến vợ con, gây nợ nần. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Anh Phan Văn Q thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2023 của Tòa án, UBND xã T và xã A xác định, tra cứu hồ sơ lưu trữ tại cơ quan không tìm thấy số đăng ký kết hôn giữa chị Phạm Thị H, sinh năm 1992; cư trú: Tổ 3, ấp Tân Hòa C, xã A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang với anh Phan Văn Q, sinh năm 1986; cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Xét thấy yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh Q, anh Q đồng ý ly hôn. Nhưng do 02 người không có đăng ký kết hôn nên không được xem là vợ chồng.

Như vậy cho thấy giữa chị Phạm Thị H với anh Phan Văn Q, hai người sống chung với nhau vào năm 2008, sau đó cả hai người đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa chị H với anh Q không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa chị H với anh Q không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa chị H với anh Q là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H với anh Phan Văn Q có với nhau 02 người con chung Phan Thị K, sinh ngày 27/5/2008 và Phan Văn D, sinh ngày 02/9/2016. Hiện con đang sống với anh Q. Chị H và anh Q thỏa thuận giao 02 con cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Kim và cháu Đồng muốn được sống với anh Q. Xét thấy sự thỏa thuận trên là phù hợp được Hội đồng xét xử công nhận.

Anh Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị H trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Phan Văn Q thống nhất, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006865, ngày 28.11.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Phan Văn Q không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận giữa chị Phạm Thị H và anh Phan Văn Q là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận chị Phạm Thị H với anh Phan Văn Q giao 02 người con chung tên Phan Thị K, sinh ngày 27/5/2008 và Phan Văn D, sinh ngày 02/9/2016 cho anh Phan Văn Q được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị H trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H với anh Phan Văn Q thống nhất, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006865, ngày 28.11.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Phan Văn Q không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Phan Văn Q là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh